

TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

Chủ biên:

Trần Đình Huân

Đồng tác giả:

Vũ Công Thái – Ngô Duy Hiệp

Nguyễn Tiến Quyết



GIÁO TRÌNH

KỸ THUẬT AN TOÀN – MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHIỆP

(Lau hành nội bộ)

Hà Nội – 2012

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Giáo trình này sử dụng làm tài liệu giảng dạy nội bộ trong trường cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội

Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội không sử dụng và không cho phép bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào sử dụng giáo trình này với mục đích kinh doanh.

Mọi trích dẫn, sử dụng giáo trình này với mục đích khác hay ở nơi khác đều phải được sự đồng ý bằng văn bản của trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội

Tailieu.vn

LỜI GIỚI THIỆU

”Kỹ thuật an toàn - Môi trường công nghiệp” là môn học bắt buộc trong các trường nghề. Tùy thuộc vào đối tượng người học và cấp bậc học mà trang bị cho học sinh, sinh viên những kiến thức cơ bản nhất.

Để thống nhất chương trình và nội dung giảng dạy trong các nhà trường chúng tôi biên soạn cuốn giáo trình: Kỹ thuật an toàn - Môi trường công nghiệp. Giáo trình được biên soạn phù hợp với các nghề trong các trường đào tạo nghề phục vụ theo yêu cầu của thực tế xã hội hiện nay.

Tài liệu tham khảo để biên soạn gồm:

- Các văn bản pháp luật hiện hành về BHLĐ (Bộ Lao động Thương binh và Xã hội), Nhà xuất bản Lao động - Xã hội - Hà Nội - 2003
- Giáo trình An toàn lao động - Vụ Trung học Chuyên nghiệp - Dạy nghề, Nhà xuất bản Giáo dục Hà Nội - 2003
- Sổ tay hướng dẫn công tác ATLĐ - VSLĐ trong các Doanh nghiệp, Nhà xuất bản- Hà Nội, 2002
- Tập hợp các tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn về nôi hơi, bình áp lực, Nhà xuất bản LĐ - XH, Hà Nội, 2004
- Tập hợp các tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn về cơ khí , Nhà xuất bản LĐ - XH- Hà Nội - 2004
- Tập hợp các tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn về thiết bị nâng, Nhà xuất bản LĐ - XH- Hà Nội- 2004

Kết hợp với kiến thức mới có liên quan môn học và những vấn đề thực tế thường gặp trong sản xuất, đời sống để giáo trình có tính thực tế cao, giúp cho người học dễ hiểu, dễ dàng lĩnh hội được kiến thức môn học.

Trong quá trình biên soạn giáo trình kinh nghiệm còn hạn chế, chúng tôi rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc để lần hiệu đính sau được hoàn chỉnh hơn.

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2012

Tham gia biên soạn

1. Chủ biên: *Trần Đình Huấn*
2. Các Giáo viên khoa Cơ khí

MỤC LỤC

Trang

Lêi giới thiệu	
1	
Chương I: Mục đích, ý nghĩa, tính chất và nhiệm vụ của công tác BHLĐ	
6	
1. Mục đích, ý nghĩa của công tác bảo hộ lao động	
2. Tính chất và nhiệm vụ của công tác bảo hộ lao động	8
Chương II: Những khái niệm cơ bản và công tác tổ chức về BHLĐ	
15	
1. Những khái niệm cơ bản về bảo hộ lao động	
2. Công tác tổ chức bảo hộ lao động	18
Chương III: Phân tích điều kiện và nguyên nhân gây ra tai nạn lao động	
1. Phân tích điều kiện lao động	21
2. Nguyên nhân gây ra tai nạn lao động	23
Chương IV: Khái niệm về vệ sinh lao động, vi khí hậu, bức xạ ion hoá và tiếng ồn	
24	
1. Khái niệm về vệ sinh lao động	
2. Vi khí hậu	
3. Bức xạ ion hoá	27
4. Tiếng ồn	29
Chương V: Bụi và rung động trong sản xuất	32
1. Bụi	
2. Rung động trong sản xuất	34
Chương VI: Ảnh hưởng của điện từ trường, hoá chất độc	37
1. Ảnh hưởng của điện từ trường	
2. Ảnh hưởng của hoá chất độc	39
Chương VII: Ánh sáng, màu sắc và kỹ thuật thông gió trong lao động	43
1. Kỹ thuật chiếu sáng	
2. Kỹ thuật thông gió	45
Chương VIII: Kỹ thuật an toàn khi sửa chữa máy	47
1. Khái niệm về kỹ thuật an toàn	

2. Kỹ thuật an toàn khi lắp ráp, sửa chữa và thử máy	48
Chương IX: Kỹ thuật an toàn khi gia công cơ khí	50
1. Kỹ thuật an toàn khi gia công cơ khí	
2. Các giải pháp kỹ thuật an toàn trong cơ khí	54
3. Sử dụng các trang bị bảo hộ lao động	61
Chương X: Kỹ thuật an toàn điện, phòng chống cháy nổ và sử dụng thiết bị nâng hạ	64
1. Kỹ thuật an toàn điện	
2. Kỹ thuật an toàn đối với thiết bị nâng hạ	66
3. Kỹ thuật an toàn phòng chống cháy và nổ	68
4. Sử dụng các thiết bị phòng chống cháy nổ, thiết bị nâng hạ	71
Trả lời các câu hỏi và bài tập	77

KỸ THUẬT AN TOÀN – MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHIỆP

Mã môn học : MH 15

Vị trí, tính chất, ý nghĩa và vai trò của môn học:

- *Vị trí:* Môn học Kỹ Thuật An Toàn – Môi Trường Công Nghiệp được bố trí khi học sinh học xong các môn học chung
- *Tính chất:* Là môn học kỹ thuật cơ sở thuộc các môn học, mô đun đào tạo nghề.

Mục tiêu của môn học:

- Trình bày chính xác các điều quy định của Luật Lao động áp dụng cho sản xuất
- Giải thích được các yếu tố nguy hiểm và có hại đến sức khỏe người lao động.
- Phân tích được nguyên nhân gây ra tai nạn.
- Mô tả được một số phương pháp sơ cứu và cấp cứu khi đồng nghiệp bị tai nạn.
- Trình bày được cách sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động và các phương tiện khác nhằm ngăn ngừa tai nạn lao động.
- Sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động, sơ cứu, cấp cứu nạn nhân khi bị tai nạn.
- Rèn luyện tính kỷ luật, kiên trì, cẩn thận, nghiêm túc, chủ động và tích cực sáng tạo trong học tập.

Nội dung của môn học:

I	Mục đích, ý nghĩa, tính chất và nhiệm vụ của công tác bảo hộ lao động 1. Mục đích, ý nghĩa của công tác bảo hộ lao động 2. Tính chất và nhiệm vụ của công tác bảo hộ lao động
II	Những khái niệm cơ bản và công tác tổ chức về bảo hộ lao động 1. Những khái niệm cơ bản về bảo hộ lao động 2. Công tác tổ chức bảo hộ lao động
III	Phân tích điều kiện và nguyên nhân gây ra tai nạn lao động 1. Phân tích điều kiện lao động 2. Nguyên nhân gây ra tai nạn lao động

IV	Khái niệm về vệ sinh lao động, vi khí hậu, bức xạ ion hoá và tiếng ồn 1. Khái niệm về vệ sinh lao động 2. Vi khí hậu 3. Bức xạ ion hoá 4. Tiếng ồn
V	Bụi và rung động trong sản xuất 1. Bụi 2. Rung động trong sản xuất
VI	Ảnh hưởng của điện từ trường, hoá chất độc 1. Ảnh hưởng của điện từ trường 2. Ảnh hưởng của hoá chất độc
VII	Ánh sáng, màu sắc và kỹ thuật thông gió trong lao động 1. Kỹ thuật chiếu sáng 2. Kỹ thuật thông gió 3. Kiểm Tra
VIII	Kỹ thuật an toàn khi sửa chữa máy 1. Khái niệm về kỹ thuật an toàn 2. Kỹ thuật an toàn khi lắp ráp, sửa chữa và thử máy
IX	Kỹ thuật an toàn khi gia công cơ khí 1. Kỹ thuật an toàn khi gia công cơ khí 2. Các giải pháp kỹ thuật an toàn trong cơ khí 3. Sử dụng các trang bị bảo hộ lao động
X	Kỹ thuật an toàn điện, phòng chống cháy nổ và sử dụng thiết bị nâng hạ 1. Kỹ thuật an toàn điện 2. Kỹ thuật an toàn đối với thiết bị nâng hạ 3. Kỹ thuật an toàn phòng chống cháy và nổ 4. Sử dụng các thiết bị phòng chống cháy nổ, thiết bị nâng hạ 5. Kiểm Tra

Chương I
MỤC ĐÍCH, Ý NGHĨA, TÍNH CHẤT VÀ NHIỆM VỤ
CỦA CÔNG TÁC BẢO HỘ LAO ĐỘNG
Mã chương : MH15.01

Giới thiệu:

Đảng và nhà nước ta đã xác định nhân tố con người là mục tiêu của sự tồn tại và phát triển đất nước. Lực lượng lao động chiếm một tỷ lệ lớn trong cộng đồng người và có một vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế xã hội. Vì vậy Đảng, nhà nước ta luôn coi trọng công tác bảo hộ lao động và coi đây là một lĩnh vực công tác lớn, đồng thời yêu cầu mọi người phải nghiêm chỉnh thực hiện.

Mục tiêu:

- Trình bày được mục đích, ý nghĩa và lợi ích của công tác BHLĐ;
- Nhận biết rõ tình hình tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp;
- Rèn luyện tính kỷ luật, kiên trì, cẩn thận, nghiêm túc, chủ động và tích cực sáng tạo trong học tập.

Nội dung chính:

1. Mục đích, ý nghĩa của cộng tác bảo hộ lao động
2. Tính chất và nhiệm vụ của cộng tác bảo hộ lao động

1. Mục đích, ý nghĩa của công tác bảo hộ lao động.

Mục tiêu:

- Trình bày được mục đích, ý nghĩa và lợi ích của công tác BHLĐ;
- Có tính kỷ luật, kiên trì, cẩn thận, nghiêm túc, chủ động và tích cực sáng tạo trong học tập.

1.1. Mục đích.

Trong quá trình lao động sử dụng công cụ thông thường hay máy móc hiện đại, áp dụng công nghệ đơn giản hay phức tạp, tiên tiến đều có thể tiềm ẩn và phát sinh các yếu tố nguy hiểm, có hại gây ra tai nạn hoặc bệnh nghề nghiệp cho người lao động. Một quá trình lao động sản xuất có thể tồn tại một hoặc nhiều yếu tố nguy hiểm, có hại. Nếu không được phòng ngừa cẩn thận có thể tác động vào con người gây chấn thương, bệnh nghề nghiệp, làm giảm sút hoặc mất khả năng lao động hoặc tử vong. Cho nên việc chăm lo và cải thiện điều kiện lao động, nơi làm việc an toàn, vệ sinh là những nhiệm vụ trọng yếu để phát triển sản xuất và cao năng suất lao động. Vì vậy Đảng và Nhà nước ta luôn coi trọng công tác bảo hộ lao động là lĩnh vực công tác lớn nhằm mục đích:

- Đảm bảo an toàn thân thể người lao động, hạn chế tới mức thấp nhất hoặc không để xảy ra tai nạn làm chấn thương gây tàn phế hay tử vong.

- Đảm bảo người lao động khoẻ mạnh, không bị mắc các bệnh nghề nghiệp và các bệnh tật khác do điều kiện lao động xấu gây ra.

- Bồi dưỡng kịp thời và duy trì sức khoẻ, khả năng lao động cho người lao động.

- Công tác bảo hộ lao động chiếm một vị trí quan trọng trong những yêu cầu khách quan của các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh.

1.2. ý nghĩa của công tác bảo hộ lao động.

a. ý nghĩa chính trị:

- Bảo hộ lao động thể hiện quan điểm của Đảng và Nhà nước ta coi nhân tố con người lao động vừa là động lực, vừa là mục tiêu của sự phát triển đất nước. Nếu một đất nước có tỷ lệ tai nạn thấp, người lao động mạnh khoẻ không mắc bệnh nghề nghiệp, chứng tỏ xã hội đó luôn coi trọng con người là vốn quý nhất, sức lao động, lực lượng lao động được bảo vệ và phát triển. Công tác bảo hộ lao động tốt góp phần tích cực chăm lo bảo vệ sức khoẻ, tính mạng, đời sống người lao động.

- Nếu công tác bảo hộ lao động chưa tốt, điều kiện lao động quá nặng nhọc, độc

hại sẽ gây ra nhiều tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp nghiêm trọng thì uy tín của chế độ, uy tín của doanh nghiệp sẽ bị giảm sút.

b. ý nghĩa xã hội:

Công tác bảo hộ lao động là chăm lo đời sống, hạnh phúc của người lao động, bảo hộ lao động là yêu cầu cần thiết là nguyện vọng chính đáng của người lao động, trong hoạt động sản xuất kinh doanh, vì vậy ai cũng muốn mạnh khoẻ, lành lặn có trình độ có nghề nghiệp lao động đạt năng suất cao để chăm lo hạnh phúc gia đình, góp phần xây dựng phát triển xã hội.

- Công tác bảo hộ lao động đảm bảo cho xã hội trong sáng lành mạnh, mọi người lao động khoẻ mạnh có vị trí xứng đáng trong xã hội làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ kỹ thuật.

- Nếu tai nạn lao động không xảy ra, người lao động khoẻ mạnh. Nhà nước và xã hội sẽ giảm bớt những tổn thất trong việc khắc phục hậu quả và tập trung đầu tư vào các công trình phúc lợi xã hội khác.

- Ngoài ra việc chăm lo sức khỏe cho người lao động, mang lại hạnh phúc cho bản thân và gia đình họ còn có ý nghĩa nhân đạo sâu sắc.

c. ý nghĩa về lợi ích kinh tế.

Thực hiện tốt công tác bảo hộ lao động sẽ đem lại lợi ích kinh tế rõ rệt.

- Trong sản xuất nếu người lao động được bảo vệ tốt có sức khỏe, không bị ốm đau bệnh tật, điều kiện làm việc thoải mái không nơm nớp lo sợ bị tai nạn lao động, bị mắc bệnh nghề nghiệp sẽ an tâm phấn khởi làm việc nâng cao năng suất lao động đạt chất lượng sản phẩm tốt. Luôn hoàn thành được kế hoạch sản xuất kinh doanh, do đó phúc lợi tăng lên có thêm điều kiện cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của người lao động, đảm bảo đoàn kết nội bộ đẩy mạnh sản xuất.

- Nếu để điều kiện, môi trường làm việc quá xấu dẫn đến tai nạn lao động, ốm đau bệnh tật xảy ra nhiều sẽ gây khó khăn cho sản xuất, người lao động phải nghỉ việc để chữa trị, ngày công lao động bị giảm sút, người lao động bị tàn phế mất sức lao động xã hội phải lo việc chăm sóc, chữa trị và thực hiện các chính sách xã hội (trợ cấp), chi phí bồi thường tai nạn ốm đau, điều trị, ma chay. Chi phí sửa chữa máy móc nhà xưởng, nguyên vật liệu bị hư hỏng là rất lớn nói chung tai nạn lao động ốm đau xảy ra nhiều hay ít đều dẫn tới thiệt hại về người và tài sản. Vì vậy phải thực hiện tốt công tác bảo hộ lao động góp phần xây dựng đất nước ngày càng phát triển đi lên.

2. Tính chất và nhiệm vụ của công tác bảo hộ lao động.

Mục tiêu:

- Trình bày được tính chất và nhiệm vụ của công tác BHLĐ;
- Có tính kỷ luật, nghiêm túc, chủ động và tích cực sáng tạo trong học tập.

1.1. Tính chất của công tác bảo hộ lao động.

a. Bảo hộ lao động mang tính pháp luật:

Tính chất luật pháp của bảo hộ lao động thể hiện ở các quy định về công tác bảo hộ lao động bao gồm các quy định về kỹ thuật (quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn), quy định về tổ chức trách nhiệm và chính sách, chế độ bảo hộ lao động đều là những văn bản luật pháp bắt buộc mọi người có trách nhiệm phải tuân theo nhằm bảo vệ sinh mạng, toàn vẹn thân thể và sức khỏe của người lao động. Mọi vi phạm về tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn, tiêu chuẩn vệ sinh lao động trong quá trình lao động sản xuất đều là những hành vi vi phạm luật pháp về bảo hộ lao động, đặc biệt đối với qui phạm về tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn có tính bắt buộc rất cao, không thể châm chước hay hạ thấp. Các yêu cầu và biện pháp đã qui định, đòi hỏi phải được thi hành nghiêm chỉnh thực hiện vì nó liên quan trực tiếp đến tính mạng con người và tài sản quốc gia.

1.2. Bảo hộ lao động mang tính khoa học công nghệ:

Bảo hộ lao động gắn liền với sản xuất. Khoa học kỹ thuật về bảo hộ lao động gắn liền với khoa học công nghệ sản xuất.

- Người lao động sản xuất trực tiếp trong dây chuyền phải chịu ảnh hưởng bụi hơi

- khí độc, tiếng ồn sự rung động của máy móc. Những yếu tố nguy hiểm có hại có thể gây ra tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. Muốn khắc phục những hiểm đó phải áp dụng các biện pháp khoa học công nghệ.

- Khoa học kỹ thuật về bảo hộ lao động là khoa học tổng hợp dựa trên tất cả các thành tựu khoa học của các môn khoa học cơ, lý, hóa, sinh vật, gồm cả những ngành kỹ thuật cơ khí, điện, mỏ...

Muốn thực hiện tốt công tác bảo hộ lao động phải tổ chức nghiên cứu khoa học kỹ thuật, bảo hộ lao động gắn liền với sự phát triển của kỹ thuật sản xuất, nghiên cứu cải tiến trang bị kỹ thuật công nghệ, kỹ thuật an toàn cải thiện điều kiện làm việc cần dựa vào chương trình tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ huy động đông đảo cán bộ và người lao động tham gia.

Thực chất của tiến bộ khoa học công nghệ việc sử dụng máy móc thay lao động thủ công, lao động của con người thay bằng máy móc hiện đại (cơ khí hóa tự động hóa tổng hợp các quá trình sản xuất), lao động của con người giảm nhẹ tiến tới loại bỏ được điều kiện lao động nguy hiểm và độc hại.

1.3. Bảo hộ lao động mang tính quần chúng:

Quần chúng lao động là lực lượng đông trong xã hội, họ là những người trực tiếp thực hiện qui phạm qui trình và các biện pháp kỹ thuật an toàn, cải thiện điều kiện làm việc... Vì vậy chỉ có quần chúng tự giác thực hiện tốt công tác bảo hộ lao động thì mới ngăn ngừa được tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

Hàng ngày người lao động phải tiếp xúc với thiết bị máy móc, đối tượng lao động và quá trình sản xuất. Chính họ là người phát hiện những yếu tố nguy hiểm có hại trong sản xuất, đề xuất các biện pháp giải quyết hay tự mình giải quyết để phòng ngừa tai nạn và bệnh nghề nghiệp.

Công tác bảo hộ lao động cho phép huy động các biện pháp khoa học kỹ thuật, công nghệ. Vận động quần chúng thực hiện biện pháp về luật pháp nhằm nâng cao nhận thức trách nhiệm về công tác bảo hộ lao động sẽ đạt kết quả tốt khi mọi cấp quản lý, mọi người sử dụng lao động và người lao động tự giác tích cực thực hiện.

2.2. Nhiệm vụ của công tác bảo hộ lao động.

2.2.1. Tình hình tai nạn lao động ở Việt Nam hiện nay

(Các bệnh nghề nghiệp ở Việt Nam 21 bệnh)

Năm 1976, Nhà nước đã công nhận 8 bệnh nghề nghiệp. Năm 1991, Nhà nước bổ sung thêm 8 bệnh nghề nghiệp. Năm 1997, Nhà nước bổ sung thêm 5 bệnh nghề nghiệp.

- Bệnh bụi phổi do Silic;
- Bệnh bụi phổi do Amiang;

- Bệnh bụi phổi bông;
- Bệnh nhiễm độc chì và các hợp chất của chì;
- Bệnh nhiễm độc Benzen và các đồng đẳng của Benzen;
- Bệnh nhiễm độc Thủy ngân và các hợp chất của Thủy ngân;
- Bệnh nhiễm độc Mangan và các hợp chất của Mangan;
- Bệnh nhiễm độc TNT (Trinitroluen);
- Bệnh nhiễm các tia phóng xạ và tia X;
- Bệnh điếc nghề nghiệp do tiếng ồn;
- Bệnh rung chuyển nghề nghiệp;
- Bệnh sạm da nghề nghiệp;
- Bệnh loét da, loét vách ngăn mũi, viêm da, chàm tiếp xúc.;
- Bệnh lao nghề nghiệp;
- Bệnh viêm gan do virus nghề nghiệp;
- Bệnh do Leptospiridia nghề nghiệp;
- Bệnh nhiễm độc Asen và các hợp chất của Asen nghề nghiệp;
- Bệnh nhiễm độc Nicotin nghề nghiệp;
- Bệnh nhiễm độc hóa chất trừ sâu nghề nghiệp;
- Bệnh giảm áp nghề nghiệp;
- Bệnh viêm phế quản mãn tính nghề nghiệp.

2.2.2. Quyền và nhiệm vụ của người sử dụng lao động.

a. Nhiệm vụ của người sử dụng lao động.

(Điều 13 chương VI NĐ06/CP của TTCP)

- Hàng năm khi xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phải lập kế hoạch biện pháp an toàn vệ sinh lao động, cải thiện điều kiện làm việc;
- Trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân, thực hiện chế độ về an toàn, vệ sinh lao động đối với người lao động theo qui định của Nhà nước;
- Phân công tránh nhiệm và cử người giám sát thực hiện các qui định, nội quy, biện pháp an toàn vệ sinh lao động trong doanh nghiệp, phối hợp công đoàn cơ sở xây dựng và duy trì sự hoạt động của mạng lưới an toàn viên về vệ sinh viên;
- Xây dựng nội qui, quy trình an toàn lao động phải phù hợp với từng loại máy, thiết bị vật tư kể cả khi đổi mới công nghệ, máy, thiết bị, vật tư và nơi làm việc theo tiêu chuẩn quy định của Nhà nước;

- Thực hiện hướng dẫn, huấn luyện các tiêu chuẩn quy định, biện pháp an toàn vệ sinh lao động đối với người lao động;

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo tiêu chuẩn chế độ nội quy;

- Chấp hành nghiêm chỉnh quy định khai báo, điều tra tai nạn lao động bệnh nghề nghiệp và định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo kết quả tình hình thực hiện biện pháp an toàn vệ sinh lao động, cải thiện điều kiện lao động với sở lao động thương binh xã hội và sở y tế nơi doanh nghiệp hoạt động.

b. Quyền của người sử dụng lao động.

(Điều 14 chương VI NĐ06/CP của TTCP)

- Buộc người lao động phải tuân thủ các quy định, nội quy, biện pháp an toàn vệ sinh lao động;

- Khen thưởng những người chấp hành tốt, và kỷ luật người vi phạm trong việc công tác an toàn, vệ sinh lao động;

- Khiếu nại với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quyết định của thanh tra viên an toàn vệ sinh lao động, nhưng vẫn phải chấp hành quyết định đó khi chưa có quyết định mới.

2.2.3. Quyền và nhiệm vụ của người lao động.

a. Nhiệm vụ người của lao động.

(Điều 15 chương VI NĐ06/CP của TTCP)

- Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định, nội quy về an toàn vệ sinh lao động có liên quan đến công việc, nhiệm vụ được giao;

- Phải sử dụng, bảo quản các phương tiện bảo vệ cá nhân cấp phát, các thiết bị an toàn vệ sinh lao động nơi làm việc. Nếu làm mất làm hỏng phải bồi thường;

- Phải báo cáo kịp thời với người có trách nhiệm khi phát hiện nguy cơ gây tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, gây độc hại và sự cố nguy hiểm. Tham gia cấp cứu và khắc phục hậu quả tai nạn lao động khi có lệnh của người sử dụng lao động.

b. Quyền của người lao động.

(Điều 16 chương VI .NĐ.06/CP của TTCP)

- Yêu cầu người sử dụng lao động đảm bảo điều kiện làm việc an toàn vệ sinh, cải thiện điều kiện lao động, trang cấp đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân, huấn luyện thực hiện biện pháp an toàn vệ sinh lao động;

- Từ chối làm những công việc hoặc dời bỏ nơi làm việc khi thấy rõ nguy cơ xảy ra tai nạn lao động, đe dọa nghiêm trọng tính mạng, sức khỏe của mình và phải

báo ngay với người phụ trách trực tiếp, từ chối trở lại làm việc ở nơi nói trên nếu những nguy cơ đó chưa được khắc phục;

- Khiếu nại tố cáo với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khi người sử dụng lao động vi phạm quy định của Nhà nước, hoặc không thực hiện biện pháp, giao kết về an toàn vệ sinh lao động trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao động.

Câu hỏi ôn tập

1. Trình bày mục đích, ý nghĩa của công tác bảo hộ lao động ?
2. Phân tích các tính chất của công tác bảo hộ lao động, các nhiệm vụ – Quyền hạn của người sử dụng lao động và người lao động trong công tác bảo hộ lao động ?

Chương 2
NHỮNG KHÁI NIỆM CƠ BẢN VÀ CÔNG TÁC
TỔ CHỨC VỀ BẢO HỘ LAO ĐỘNG

Mã chương : MH15.02

Giới thiệu:

Để tổ chức thực hiện tốt công tác bảo hộ lao động thì người sử dụng lao động và người lao động không chỉ hiểu rõ mục đích, ý nghĩa, nhiệm vụ của công tác BHLĐ mà còn phải hiểu rõ: Kỹ thuật an toàn, kỹ thuật vệ sinh lao động, chế độ chính sách về BHLĐ và các biện pháp tổ chức thực hiện.

Mục tiêu:

- Trình bày được các khái niệm về điều kiện lao động, tai nạn lao động ;
- Giải thích được các yếu tố nguy hiểm và có hại ;
- Trình bày được khái niệm vùng nguy hiểm và các yếu tố nguy hiểm trong quá trình sản xuất.
- áp dụng hiện được biện pháp trang bị bảo hộ lao động.
- Rèn luyện tính kỷ luật, kiên trì, cẩn thận, nghiêm túc, chủ động và tích cực sáng tạo trong học tập.

Nội dung chính:

1. Những khái niệm cơ bản về bảo hộ lao động
2. Củng cố tổ chức bảo hộ lao động

1. Những khái niệm cơ bản về bảo hộ lao động

Mục tiêu:

- Trình bày được các khái niệm về điều kiện lao động, tai nạn lao động ;
- Có tính kỷ luật, kiên trì, cẩn thận, nghiêm túc, chủ động và tích cực sáng tạo trong học tập.

1.1. Kỹ thuật an toàn:

Là hệ thống các biện pháp, phương tiện, thiết bị an toàn về tổ chức, kỹ thuật nhằm phòng ngừa tác động xấu của các yếu tố nguy hiểm có hại trong sản xuất đối với người lao động. Để đạt được mục đích phòng ngừa các yếu tố nguy hiểm có hại trong sản xuất phải quán triệt các biện pháp đó ngay từ khi thiết kế xây dựng, chế tạo các thiết bị máy móc công nghệ. Trong quá trình sản xuất phải thực hiện đồng bộ các biện pháp tổ chức, kỹ thuật sử dụng các thiết bị an toàn, thao tác làm việc thích ứng.

Tất cả các biện pháp được qui định cụ thể theo tiêu chuẩn qui trình qui phạm, tiêu chuẩn về kỹ thuật an toàn và các văn bản khác về lĩnh vực kỹ thuật an toàn.

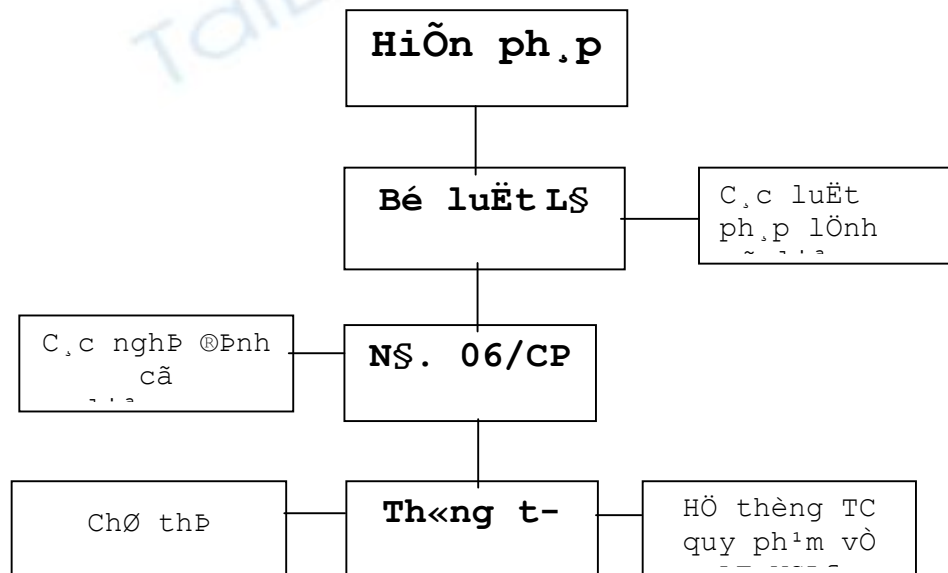
1.2. Kỹ thuật vệ sinh lao động:

Là hệ thống các biện pháp, phương tiện, thiết bị an toàn về tổ chức, kỹ thuật nhằm phòng ngừa tác động xấu của các yếu tố nguy hiểm có hại trong sản xuất đối với

người lao động. Để ngăn ngừa phải tiến hành một số các biện pháp cần thiết: nghiên cứu sự phát triển và tác động của các yếu tố đó đối với cơ thể con, xác định tiêu chuẩn giới hạn cho phép của các yếu tố có hại trong môi trường lao động, xây dựng các biện pháp vệ sinh lao động.

1.2. Chế độ chính sách về BHLĐ

Hệ thống luật pháp, chế độ, chính sách bảo hộ lao động ở Việt Nam.



Hình H1.1 .Hệ thống luật pháp, chế độ, chính sách bảo hộ lao động ở Việt Nam.

Bao gồm các biện pháp kinh tế - xã hội tổ chức quản lý, cơ chế quản lý công tác bảo hộ lao động.

Nhà nước ban hành chính sách, chế độ bảo hộ lao động nhằm đảm bảo sử dụng sức lao động hợp lý khoa học, bồi dưỡng phục hồi sức lao động, thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi.

- Điều 71 chương VII quy định thời gian nghỉ ngơi trong thời gian làm việc, giữa giờ 2 ca làm việc;
- Điều 143 chương XII quy định việc trả lương, chi phí cho người lao động trong thời gian nghỉ việc để chữa trị vì tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp;

- Điều 113 chương X quy định không được sử dụng lao động nữ làm những công việc nặng nhọc, nguy hiểm, tiếp xúc với hóa chất độc hại.

Chính sách, chế độ bảo hộ lao động nhằm đảm bảo thúc đẩy các biện pháp kỹ thuật an toàn và vệ sinh lao động, trách nhiệm của cán bộ quản lý, bộ máy làm công tác bảo hộ, chế độ tuyên truyền, huấn luyện, thanh tra báo cáo tai nạn lao động, hiểu được nội dung công tác bảo hộ lao động, giúp người quản lý đề cao trách nhiệm có các biện pháp tổ chức thực hiện công tác bảo hộ lao động tốt nhất.

- Điều 29 chương IV quy định hợp đồng lao động, ngoài các nội dung khác phải có nội dung điều kiện về an toàn, vệ sinh lao động;

- Chỉ thị số 13/1998/CTg (26/3/1998) của thủ tướng chính phủ về việc tăng cường chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác bảo hộ lao động trong tình hình mới. Đây là một chỉ thị rất quan trọng có tác dụng tăng cường nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước, vai trò, trách nhiệm của mọi tổ chức, cá nhân trong việc đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, duy trì và cải thiện điều kiện lao động đảm bảo sức khỏe và an, vệ sinh cho người lao động;

- Thông tư số 08/TT - LĐTBXH (11/4/1995) của bộ lao động – Thương binh và xã hội hướng dẫn công tác huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động.

2. Công tác tổ chức bảo hộ lao động

Mục tiêu:

- Trình bày được các nội dung cơ bản của công tác chuẩn bị tổ chức bảo hộ lao động ;

- Có tính kỷ luật, nghiêm túc, chủ động và tích cực sáng tạo trong học tập.

2.1. Công tác chuẩn bị

Căn cứ vào điều kiện thực tế của Xí nghiệp: Từ con người đến điều kiện về cơ sở vật chất, kỹ thuật và các quá trình công nghệ mà Xí nghiệp đảm nhận thực hiện để xác định các yếu tố nguy hiểm có thể xảy ra tai nạn gây chấn thương hoặc tử vong người lao động, các yếu tố có hại gây bệnh nghề nghiệp làm suy giảm sức khỏe người lao động từ đó đề ra phương án, kế hoạch chuẩn bị:

- Các qui định về tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động và chế độ chính sách;

- Các thiết bị, phương tiện, dụng cụ an toàn dùng chung và trang bị cá nhân;

- Yếu tố con người : Đội ngũ mạng lưới an toàn, vệ sinh viên có đủ trình độ, năng lực để tổ chức và giám sát việc thực hiện công tác BHLĐ trong Xí nghiệp.

2.2 Tổ chức thực hiện.

Ngay từ khi xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh của xí nghiệp đồng thời phải tiến hành xây dựng kế hoạch thực hiện công tác bảo hộ lao động và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

*** Kỹ thuật an toàn:**

- Xác định vùng nguy hiểm.
- Xác định các biện pháp về quản lý, tổ chức, thao tác làm việc đảm bảo an toàn.
- Sử dụng các thiết bị an toàn thích ứng, thiết bị che chắn, thiết bị phòng ngừa, thiết bị bảo hiểm, tín hiệu, báo hiệu, trang bị bảo vệ cá nhân

*** Vệ sinh lao động:**

- Xác định khoảng cách an toàn về vệ sinh.
- Xác định các yếu tố có hại tới sức khỏe.
- Biện pháp tổ chức tuyên truyền giáo dục ý thức và kiến thức về vệ sinh lao động, theo dõi quản lý sức khỏe, tuyển dụng lao động.
- Biện pháp về vệ sinh học, vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường.
- Các biện pháp kỹ thuật vệ sinh, kỹ thuật thông gió, điều hòa nhiệt độ, chống bụi hơi - khí độc, kỹ thuật chống tiếng ồn rung động, chiếu sáng bức xạ chống phóng xạ, điện trường.

Theo dõi sự phát sinh các yếu tố có hại, có biện pháp bổ xung giảm bớt các yếu tố có hại đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh cho phép.

Câu hỏi ôn tập

- 1.Trình bày những khái niệm cơ bản về bảo hộ lao động
- 2.Trình bày các biện pháp tổ chức bảo hộ lao động

Chương 3

PHÂN TÍCH ĐIỀU KIỆN VÀ NGUYÊN NHÂN GÂY RA TAI NẠN LAO ĐỘNG

Mã chương : MH15.03

Giới thiệu:

Người sử dụng lao động và người lao động phải hiểu rõ điều kiện lao động, quá trình công nghệ nơi mà họ tham gia chỉ đạo và thực hiện sản xuất để phân tích, tìm ra các yếu tố nguy hiểm có thể gây ra tai nạn lao động, trên cơ sở đó đề ra các biện pháp phòng ngừa để hạn chế tới mức tối thiểu các tai nạn xảy ra trong quá trình sản xuất, đảm bảo an toàn sức khỏe cho người lao động.

Mục tiêu:

- Trình bày rõ điều kiện lao động phụ thuộc vào: Cường độ lao động, công việc, tư thế làm việc, môi trường làm việc và những nguyên nhân gây ra tai nạn lao động.
- Rèn luyện tính kỷ luật, kiên trì, cẩn thận, nghiêm túc, chủ động và tích cực sáng tạo trong học tập.

Nội dung chính:

1. Phân tích điều kiện lao động
2. Nguyên nhân gây ra tai nạn lao động

1. Điều kiện lao động.

Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm về điều kiện lao động;
- Phân tích rõ các yếu tố tạo nên điều kiện lao động;
- Có tính kỷ luật, nghiêm túc, chủ động và tích cực sáng tạo trong học tập.

1.1. Khái niệm.

Điều kiện lao động là tập hợp tổng thể các yếu tố tổ chức, kỹ thuật, kinh tế, xã hội, tự nhiên, thể hiện quá trình công nghệ, công cụ, phương tiện lao động, đối tượng lao động, năng lực của người lao động và sự tác động qua lại giữa các yếu tố đó trong mối quan hệ với con người tạo nên điều kiện làm việc nhất định cho con người trong quá trình lao động sản xuất.

Để có thể làm tốt công tác bảo hộ lao động thì phải đánh giá được các yếu tố điều kiện lao động, đặc biệt là phải phát hiện và xử lý được các yếu tố không thuận lợi đe dọa đến an toàn và sức khỏe người lao động trong quá trình lao động.

1.2. Các yếu tố của lao động.

- Máy, thiết bị, công cụ.
- Nhà xưởng.
- Năng lượng, nguyên nhiên vật liệu.
- Đối tượng lao động.
- Người lao động.

1.3. Các yếu tố liên quan đến lao động.

- Các yếu tố tự nhiên có liên quan đến nơi làm việc.
- Các yếu tố kinh tế, xã hội: quan hệ, đời sống hoàn cảnh liên quan đến tâm lý người lao động.

* Điều kiện lao động không thuận lợi được chia làm 2 loại:

- Có các yếu tố nguy hiểm;
- Có các yếu tố có hại.

2. Nguyên nhân gây ra tai nạn lao động

Mục tiêu:

- Trình bày được một số tình huống sự cố có thể xảy ra gây ra tai nạn lao động;
- Phân tích được các nguyên nhân dẫn đến tai nạn lao động.
- Có tính kỷ luật, kiên trì, cẩn thận, nghiêm túc, chủ động và tích cực sáng tạo trong học tập.

2.1. Nguyên nhân chủ quan

Do ý thức, kiến thức còn hạn chế của người lao động trong việc thực hiện công tác bảo hộ lao động: thực hiện với hình thức mang tính chất chống đối, không tự giác dẫn đến tai nạn hoặc khi sự cố xảy ra gây ra tai nạn.

Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của lao động còn hạn chế chưa đáp ứng kịp với những tiến bộ về khoa học kỹ thuật công nghệ mới tiên tiến hiện đại.

Do yêu cầu của công nghệ hoặc quá trình tổ chức lao động sản xuất mà người lao động phải làm việc với cường độ lao động lớn hơn cường độ lao động bình thường. Tư thế làm việc không thoải mái : vẹo người, ngửa người, treo người trên cao, trong một thời gian dài tạo nên sự ức chế về thần kinh tâm lý làm cho cơ thể mệt mỏi, khó chịu có thể phát sinh bệnh tật, và tai nạn lao động.

2.2. Nguyên nhân khách quan

Điều kiện lao động không thuận lợi, máy móc thiết bị, công nghệ lạc hậu, không đồng bộ, thiếu thiết bị an toàn hoặc thiết bị an toàn không hoạt động.